KB Securities VIETNAM

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK Việt Nam điều chỉnh trên diện rộng sau khi xuất hiện ca nghi nhiễm mới Covid-19 trên cộng đồng tại Đà Nẵng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]
HĐTL diễn biến tiêu cực khi chịu ảnh hưởng bởi TTCK toàn cầu

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]
VJC, TCM

[Quan điểm đầu tư]
Chờ nhịp điều chỉnh sâu hơn, chỉ mở một phần vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ gần quanh 875.

07/09/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	888.25	-1.47
VN30	824.36	-1.92
HĐTL VN30F1M	821.70	-2.73
HNXIndex	125.43	-0.57
HNX30	231.41	-1.44
UPCoM	58.64	-0.42
USD/VND	23,176	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.90	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+4
Dầu (WTI, $)	39.09	-1.71
Vàng (LME, $)	1,929.30	-0.24

Điểm nhấn thị trường

VNIndex	**888.25 (-1.47%)**
KLGD (triệu CP)	**382.8 (+25.2%)**
GTGD (triệu U$)	**327.4 (+12.7%)**
HNXIndex	**125.43 (-0.57%)**
KLGD (triệu CP)	**52.4 (+1.9%)**
GTGD (triệu U$)	**27.6 (+4.7%)**
UPCoM	**58.64 (-0.42%)**
KLGD (triệu CP)	**38.7 (+0.0%)**
GTGD (triệu U$)	**11.8 (-1.1%)**
NĐTNN mua ròng (triệu U$)	**+1.8**

TTCK Việt Nam điều chỉnh trên diện rộng phiên ngày hôm nay sau khi xuất hiện ca nghi nhiễm mới Covid-19 tại Đà Nẵng sau khi Việt Nam trải qua 4 ngày liên tiếp không có ca lây nhiễm cộng đồng. Phản ứng trước thông tin trên, nhóm cổ phiếu hàng tiêu dùng đồng loạt điều chỉnh ở MWG (-4%), PNJ (-2.8%). Tương tự, cổ phiếu ngân hàng điều chỉnh mạnh ở CTG (-3.8%), BID (-3.6%). Thông tin các hãng hàng không bắt đầu nối lại các đường bay đến và đi Đà Nẵng giúp cổ phiếu ngành này giao dịch tích cực hơn thị trường chung ở HVN (0%), VJC (-0.6%). Số liệu của Bộ Công Thương cho thấy Hiệp định EVFTA đã bước đầu có các tác động tích cực đến các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may và thủy sản giúp cổ phiếu 2 ngành này giao dịch tích cực hơn so với thị trường chung ở ngành dệt may với VGG (+0.8%), STK (+2.4%) và ngành thủy sản với MPC (+3.2%), ANV (+6.8%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên mua ròng ngành hôm nay, tập trung ở FUEVFVND (-0.1%), VNM (+0.8%), HPG (-1.8%).

VNIndex & HNXIndex

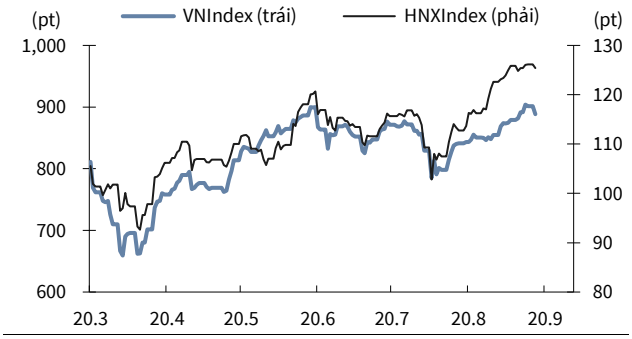

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành

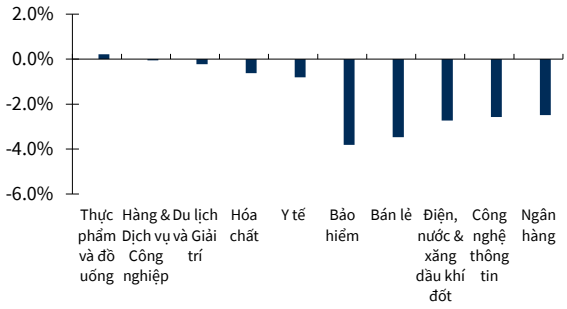

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm

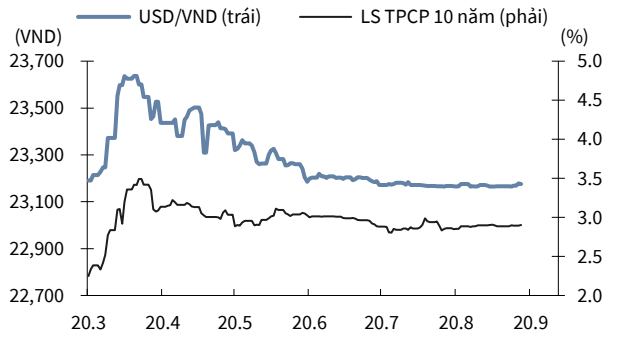

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	**824.36 (-1.92%)**
VN30F1M	**821.7 (-2.73%)**
Mở cửa	**848.0**
Cao nhất	**848.0**
Thấp nhất	**821.7**
KLGD (HĐ)	**165,682 (-3.6%)**

HĐTL diễn biến tiêu cực khi chịu ảnh hưởng bởi TTCK toàn cầu. Chênh lệch HĐTL mở cửa ở mức 7.36 trước khi suy giảm dần và đóng cửa giảm mạnh về mức -2.6 khi NĐT gia tăng vị thế SHORT trong bối cảnh TTCK thế giới suy giảm. NĐTNN mua ròng nhẹ phiên hôm nay và thanh khoản thị trường không có nhiều thay đổi, giữ ở mức trung bình.

HĐTL VN30F1M & VN30

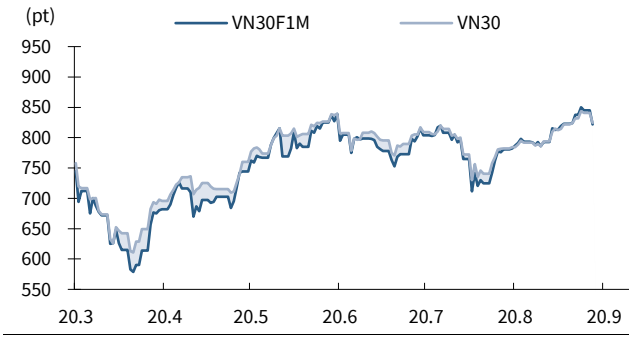

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30

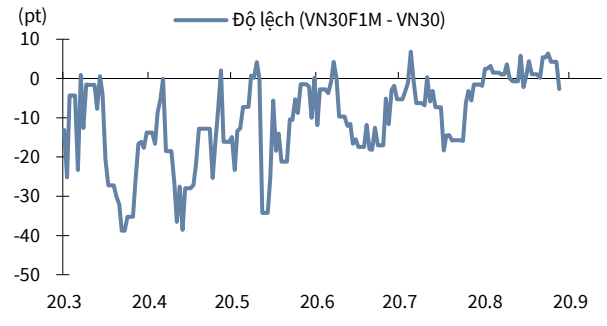

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

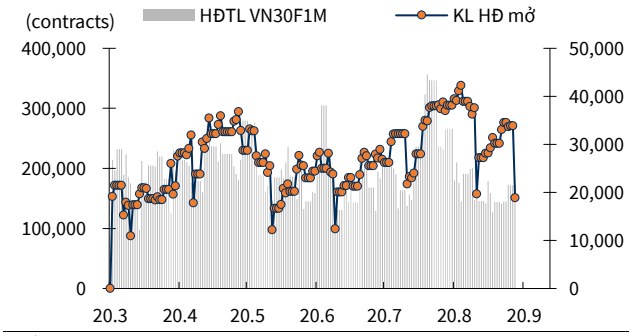

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn

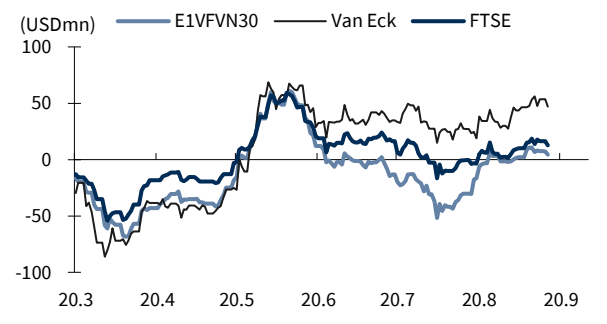

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Vietjet (VJC)

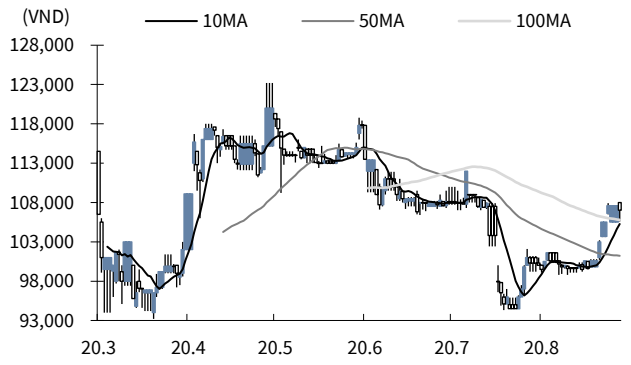

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC giảm -0.6% xuống 24,500 VNĐ/cp.

- VJC thông báo khôi phục các đường bay nội địa đến và đi từ Đà Nẵng trong bối cảnh dịch bệnh được kiểm soát tốt. Cụ thể, từ ngày 8/9/2020, VJC sẽ khai thác trở lại các đường bay Đà Nẵng – Hà Nội và Đà Nẵng – TP HCM với tần suất 1 chuyến khứ hồi/chặng/ngày.

Công ty Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công (TCM)

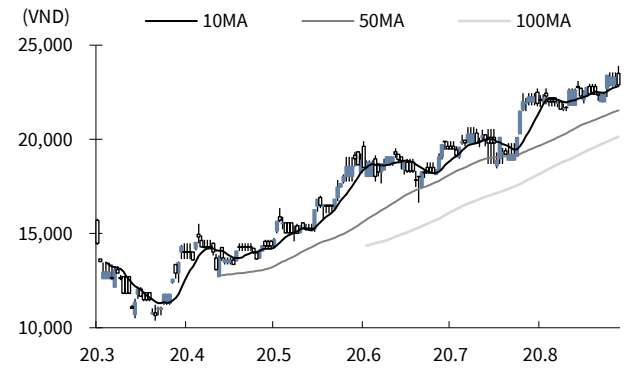

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCM giảm -1.7% xuống 22,900 VNĐ/cp.

- TCM cho biết lợi nhuận sau thuế tháng 8 ước đạt 23 tỷ đồng (+41% YoY) trên doanh thu 315 tỷ đồng (-6% YoY). Lãnh đạo doanh nghiệp cho biết trong tháng 8, công ty không có đơn hàng khẩu trang, tuy nhiên các đơn hàng truyền thống ghi nhận tốc độ phục hồi khá tốt.

Chuyên viên chiến lược thị trường
Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

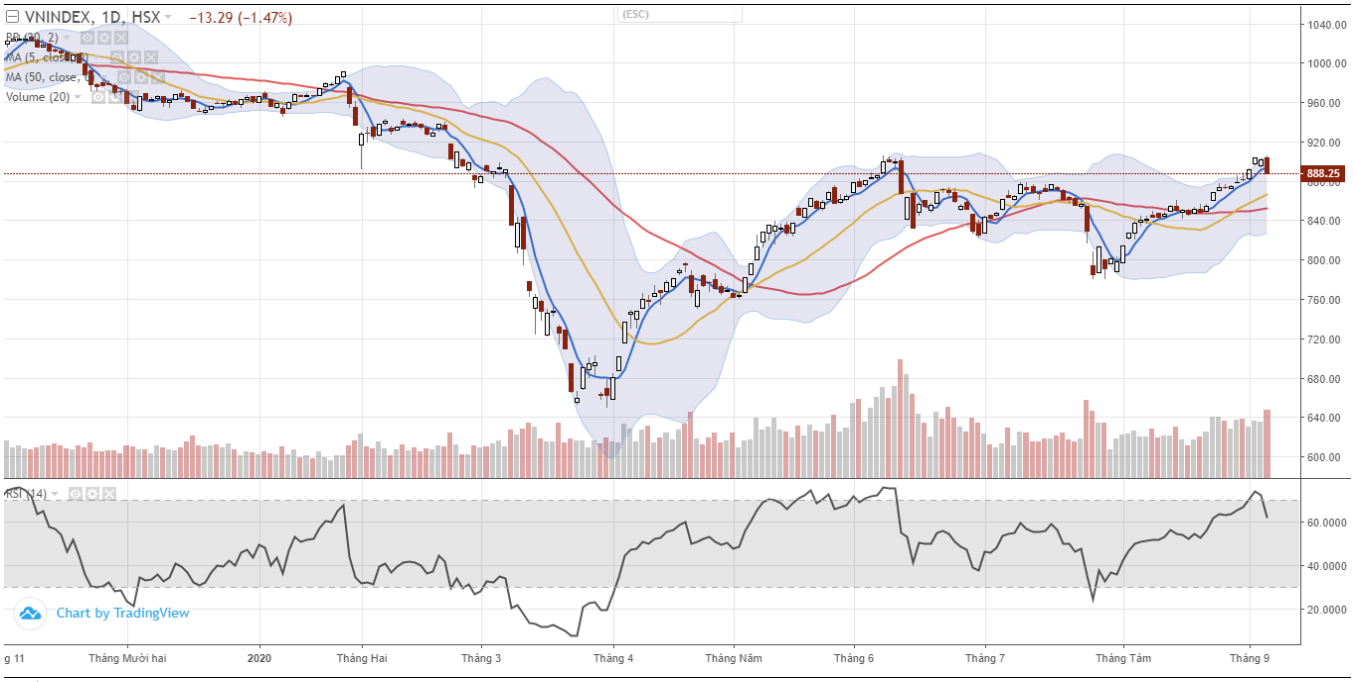

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— VNIndex ghi nhận phiên lao dốc với áp lực bán mạnh vào cuối phiên.

— Mặc dù thị trường có thể sẽ sớm xuất hiện nhịp hồi phục trở lại trong phiên ngày mai nhưng với sự xuất hiện của mẫu nến bearish engulfing, chúng tôi cho rằng rủi ro tiếp tục điều chỉnh sau đó vẫn ở mức cao.

— NĐT được khuyến nghị tiếp tục chờ nhịp điều chỉnh sâu hơn, chỉ mở một phần vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ gần quanh 875.

Chỉ số VN30

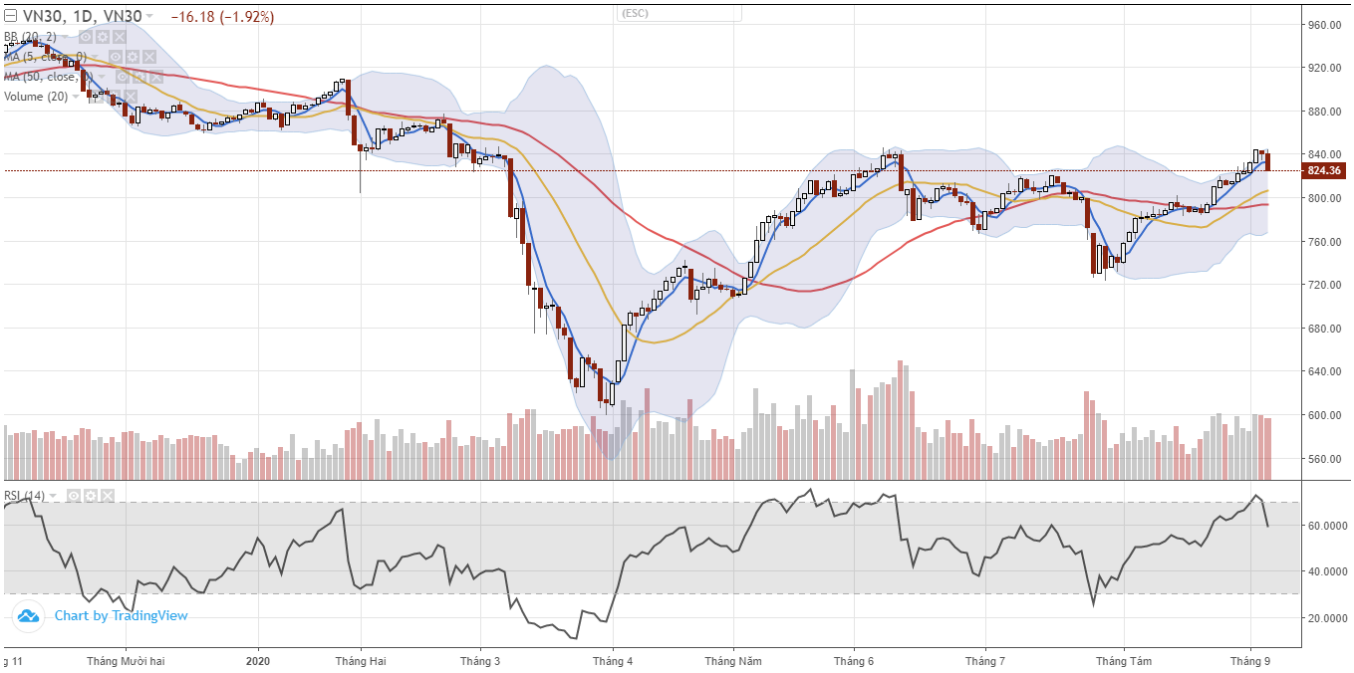

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai – VN30F1M

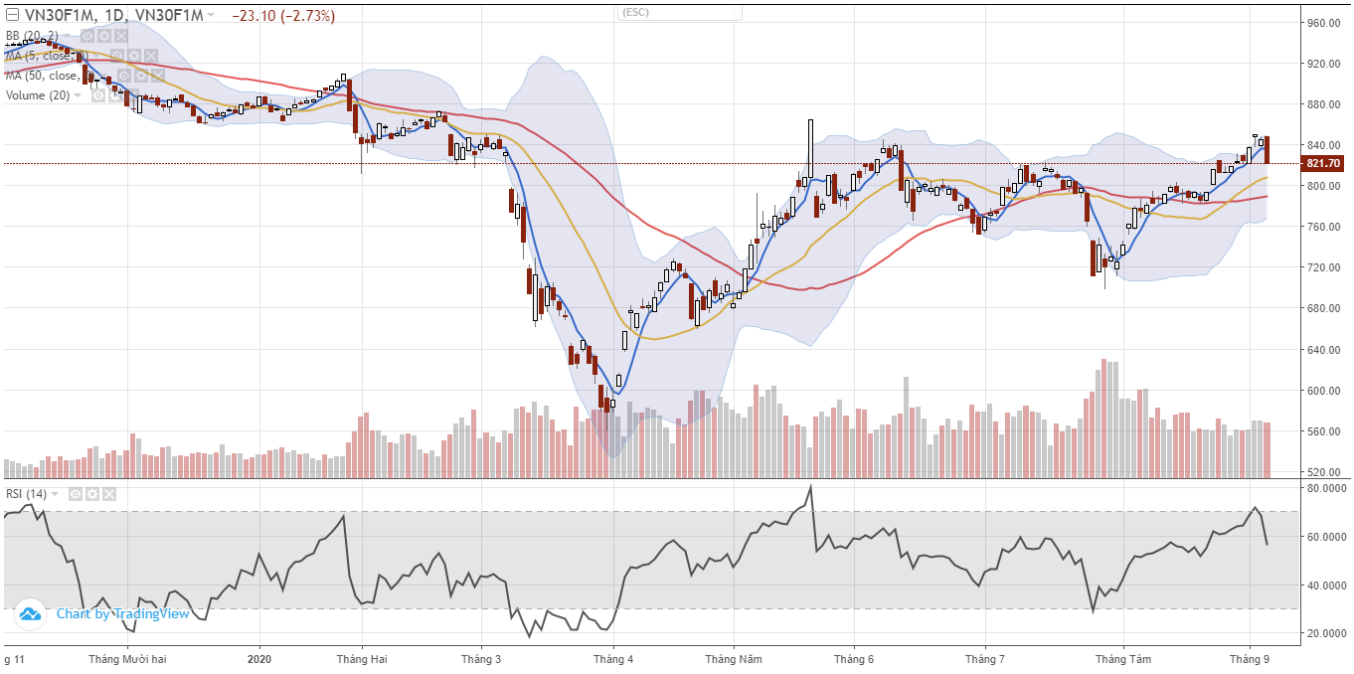

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— VN30 và F1 trải qua 1 phiên lao dốc mạnh với áp lực bán gia tăng vào cuối phiên.

— Thất bại khi thử thách quanh cận dưới của vùng kháng cự 850 (+-5) cùng với sự xuất hiện của mẫu nến giảm điểm tiêu cực khiến chỉ số đối mặt với rủi ro tiếp tục điều chỉnh với vùng hỗ trợ gần tại 81x.

— NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế SHORT nếu thị trường hồi phục sớm tại những vùng kháng cự trong phiên hoặc chờ mở vị thế LONG khi chỉ số lùi xuống vùng 81x.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.92%	-2.10%
Tăng lũy kế (YTD)	-6.22%	-10.07%

So sánh hiệu suất với VN30 Index

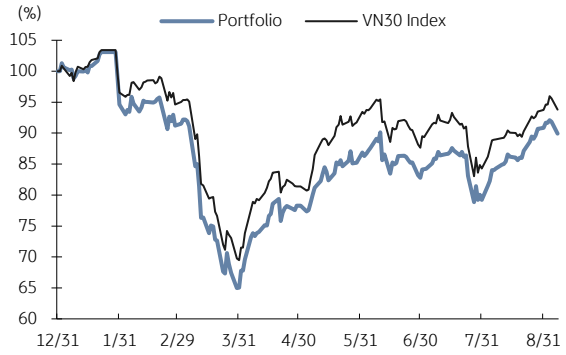

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 07/09/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	90,300	-4.0%	-22.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,600	0.0%	3.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	58,900	-2.8%	-23.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,700	-1.9%	-10.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặ nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	36,600	-1.9%	7.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	48,500	-3.0%	44.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,000	-3.8%	2.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	107,000	-0.6%	-17.2%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,500	-1.8%	25.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	13,450	-1.1%	-1.8%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFVND	-0.1%	100.0%	96.0
VNM	0.8%	58.6%	77.7
HPG	-1.8%	35.2%	35.9
VRE	-2.8%	30.4%	22.3
KSB	3.7%	12.4%	16.9
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
VHM	-1.1%	20.5%	-50.8
BID	-3.6%	17.6%	-29.4
MSN	-3.0%	38.3%	-25.9
NBB	105.0%	10.1%	-16.3
HBC	-2.6%	16.9%	-12.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NTP	-0.3%	18.8%	1.2
BVS	-0.9%	24.4%	0.4
IDV	-2.2%	15.1%	0.3
TIG	1.5%	13.9%	0.3
SHB	-1.4%	6.5%	0.3
Ticker	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
WCS	7.2%	26.6%	-0.9
AMV	-0.6%	3.8%	-0.3
DNP	-1.1%	0.6%	-0.3
RCL	0.0%	10.5%	-0.2
TST	-10.0%	2.5%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.4%	GEX, LGC
Du lịch và Giải trí	3.1%	VJC, HVN
Dịch vụ tài chính	2.4%	OGC, SSI
Thực phẩm và đồ uống	2.3%	VNM, BHN
Ô tô và phụ tùng	1.5%	CSM, DRC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Truyền thông	-3.8%	YEG, PNC
Bán lẻ	-2.7%	MWG, FRT
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.0%	GAS, TDM
Y tế	-1.9%	DHG, OPC
Công nghệ thông tin	-1.6%	FPT, ICT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	14.4%	PLX, PVD
Bán lẻ	12.3%	MWG, DGW
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.3%	GEX, APH
Dịch vụ tài chính	9.2%	VCI, OGC
Hóa chất	8.9%	GVR, DGC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Truyền thông	0.6%	PNC, YEG
Tài nguyên Cơ bản	1.4%	SHI, DTL
Bất động sản	2.2%	NVL, VHM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.3%	GEG, TTE
Ô tô và phụ tùng	3.1%	HAX, CTF

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	91,500	309,492 (13,354)	54,216 (2.3)	22.9	49.9	36.6	21.9	6.6	8.7	3.5	3.2	-2.7	1.8	4.6	-20.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,100	260,201 (11,227)	137,441 (5.9)	28.5	9.7	8.5	34.8	38.3	30.6	3.0	2.3	-1.1	0.6	-0.6	-6.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,700	62,943 (2,716)	76,122 (3.3)	18.6	24.8	18.3	2.7	9.1	11.7	2.2	2.1	-2.8	1.8	4.9	-18.5
	NVL	NO VA LAND INVES	62,800	60,968 (2,631)	86,537 (3.7)	32.6	16.7	17.4	1.8	14.3	11.9	2.4	-	0.0	-0.3	-2.8	5.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,350	13,607 (587)	13,435 (0.6)	5.5	12.6	10.5	14.3	14.2	15.7	1.6	1.5	-2.4	-0.6	4.1	-5.0
	DXG	DAT XANH GROUP	9,760	5,058 (218)	48,805 (2.1)	13.6	7.2	4.8	-29.0	8.4	14.0	0.6	0.5	-2.4	-2.4	3.6	-32.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	83,600	310,062 (13,379)	93,402 (4.0)	6.4	18.4	15.4	11.8	19.9	19.6	3.2	2.6	-1.5	0.2	0.8	-7.3
	BID	BANK FOR INVESTM	40,600	163,294 (7,046)	50,978 (2.2)	12.4	34.7	20.1	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	-3.6	0.1	6.6	-12.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,200	74,203 (3,202)	51,018 (2.2)	0.0	7.3	6.2	3.6	15.6	15.5	1.0	0.9	-3.0	-1.9	10.7	-10.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,000	93,085 (4,016)	134,020 (5.8)	0.0	13.5	11.0	18.7	10.2	11.4	1.2	1.1	-3.8	-0.4	9.9	19.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,500	54,849 (2,367)	93,463 (4.0)	0.0	7.1	6.1	1.6	16.7	16.2	1.1	0.9	-4.1	-4.7	5.9	12.5
	MBB	MILITARY COMMERC	17,700	42,682 (1,842)	90,412 (3.9)	0.0	5.9	5.0	7.7	18.0	17.6	0.9	0.8	-1.9	-1.1	8.6	-14.9
	HDB	HDBANK	29,200	28,205 (1,217)	30,882 (1.3)	9.2	7.0	6.1	20.1	20.2	20.1	1.2	1.1	-1.7	3.5	12.1	6.0
	STB	SACOMBANK	11,200	20,201 (872)	93,499 (4.0)	14.3	12.4	7.9	1.6	6.8	9.0	0.7	0.7	-0.9	-1.3	7.2	11.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,800	18,618 (803)	5,544 (0.2)	0.0	6.5	5.1	26.3	22.5	20.2	1.2	1.0	-1.5	2.2	9.1	8.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,900	20,777 (897)	4,212 (0.2)	0.1	36.3	34.8	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	-0.9	-3.2	0.0	-5.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	49,050	36,411 (1,571)	40,838 (1.8)	20.8	29.8	25.2	2.6	6.3	7.7	1.9	1.8	-4.4	2.1	9.2	-28.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	24,500	2,238 (097)	9,223 (0.4)	14.1	-	-	-	8.2	9.1	1.0	0.9	-3.2	0.8	13.2	-1.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	15,350	9,224 (398)	69,357 (3.0)	51.7	10.6	8.6	-16.8	9.0	10.6	0.9	0.8	-0.3	1.7	7.7	-1.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	26,500	4,353 (188)	22,047 (1.0)	71.3	9.5	7.4	-24.9	11.1	13.0	1.0	0.9	-4.7	3.9	23.8	-10.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	19,150	5,843 (252)	53,102 (2.3)	50.6	13.1	8.1	-22.5	11.0	17.1	1.3	1.2	-1.8	1.6	11.7	-10.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	12,150	2,534 (109)	7,171 (0.3)	13.8	10.9	6.9	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.7	-0.8	0.0	6.1	-15.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	126,000	219,414 (9,467)	163,400 (7.1)	41.5	21.1	19.6	6.6	37.8	38.2	7.3	6.5	0.8	5.6	9.1	8.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,200	123,254 (5,318)	24,052 (1.0)	36.8	30.4	26.3	-1.0	20.9	23.2	6.1	5.5	0.0	5.6	4.5	-15.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	54,600	64,138 (2,767)	74,675 (3.2)	10.7	72.3	27.8	-57.2	2.4	6.1	1.4	1.5	-3.0	0.2	0.9	-3.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,600	13,968 (603)	19,167 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	4.6	3.3	4.6	-9.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	107,000	56,051 (2,418)	43,084 (1.9)	12.2	-	16.3	-	8.9	21.4	3.5	3.2	-0.6	6.4	6.7	-26.8
	GMD	GEMADEPT CORP	21,800	6,473 (279)	15,819 (0.7)	0.0	16.9	15.1	-54.7	6.9	7.5	1.1	1.1	-2.7	-5.2	7.7	-6.4
	CII	HO CHI MINH CITY	17,950	4,287 (185)	24,370 (1.1)	34.1	12.5	11.3	108.8	7.7	7.9	0.9	0.9	-2.4	-5.3	3.5	-20.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,200	1,249 (054)	14,562 (0.6)	46.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-1.8	-3.9	-87.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	25,950	12,196 (526)	150,705 (6.5)	33.2	31.8	13.7	-20.9	10.5	13.6	-	-	1.8	17.7	21.8	34.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	74,300	5,669 (245)	50,673 (2.2)	2.3	9.8	9.8	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.6	-1.3	-4.1	-5.5	44.8
	REE	REE	36,600	11,348 (490)	15,723 (0.7)	0.0	7.5	6.6	-9.9	13.4	14.0	1.0	0.9	-1.9	-0.7	5.8	0.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	72,000	137,804 (5,946)	48,544 (2.1)	45.7	18.4	14.4	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.6	-3.5	-3.0	2.6	-23.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,750	6,549 (283)	5,335 (0.2)	30.3	9.4	9.2	-2.8	16.8	17.4	1.5	1.5	-0.9	-0.7	4.1	5.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,500	7,534 (325)	4,492 (0.2)	32.8	8.1	8.6	-8.9	15.5	14.5	1.2	1.2	0.0	-1.3	1.3	-12.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,500	81,175 (3,503)	289,386 (12.5)	13.8	8.6	7.2	3.7	18.1	19.4	1.5	1.2	-1.8	0.8	1.2	25.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,050	6,281 (271)	61,321 (2.6)	37.8	10.5	11.1	-0.7	8.8	7.9	0.8	0.8	0.0	1.9	18.5	23.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	9,100	4,818 (208)	18,937 (0.8)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	-0.1	11.1	40.0
	HSG	HOA SEN GROUP	11,550	5,132 (221)	103,071 (4.4)	39.2	6.1	6.2	45.8	14.4	12.5	0.8	0.7	-2.5	1.3	3.1	55.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,600	2,661 (115)	42,453 (1.8)	97.6	5.9	6.8	45.6	13.3	10.5	0.7	0.6	0.4	0.4	10.5	-0.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	51,100	61,617 (2,659)	71,000 (3.1)	4.8	49.7	18.3	-40.0	5.8	15.1	2.6	2.2	-1.0	-2.3	14.6	-8.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,800	4,548 (196)	68,727 (3.0)	37.0	42.4	21.7	-15.6	0.9	0.8	0.3	0.3	-3.6	-3.1	6.9	-28.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	11,400	3,208 (138)	22,679 (1.0)	27.9	7.5	6.5	-18.0	9.2	9.9	0.6	0.6	-3.0	0.4	12.3	-32.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	90,300	40,877 (1,764)	85,221 (3.7)	0.0	11.6	9.1	9.5	26.8	27.4	2.7	2.2	-4.0	-2.7	14.9	-20.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	58,900	13,260 (572)	40,001 (1.7)	0.0	15.1	12.6	-1.8	21.3	23.2	2.6	2.4	-2.8	-3.1	6.7	-31.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	50,000	1,475 (064)	748 (0.0)	69.3	21.0	15.3	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.3	-1.0	-5.5	5.3	35.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,000	1,817 (078)	14,159 (0.6)	13.2	15.4	10.4	-41.1	9.1	12.6	1.3	1.1	-1.7	-4.6	6.5	9.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	57,000	7,723 (333)	89,166 (3.8)	36.1	7.3	7.0	29.4	36.8	29.8	2.6	2.2	-1.7	-1.7	7.8	49.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,000	13,075 (564)	1,376 (0.1)	45.3	19.6	18.1	8.0	20.3	19.8	3.7	3.5	-2.1	-5.7	3.3	9.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	69,100	5,183 (224)	3,888 (0.2)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	1.0	8.8	27.3
IT	FPT	FPT CORP	48,500	38,019 (1,640)	93,233 (4.0)	0.0	11.2	9.6	18.3	23.9	25.0	2.4	2.1	-3.0	-2.8	3.0	-4.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhttv@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.